

Số: *
-NQ/TW
[DỰ THẢO]

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu
trong thời kỳ mới

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống chủ trương, chính sách, pháp luật từng bước được hoàn thiện. Nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội được nâng lên. Công tác kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường có chuyển biến. Một số vấn đề môi trường bức xúc từng bước được xử lý. Ứng phó với biến đổi khí hậu chuyển biến tích cực, thể chế, chính sách từng bước được hoàn thiện, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được nâng lên. Tăng trưởng kinh tế bước đầu thay đổi theo hướng chuyển đổi xanh, nhiều mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp xanh, đô thị xanh được triển khai hiệu quả; thị trường các-bon bước đầu được thiết lập.

Tuy nhiên, vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu tiếp tục là thách thức lớn. Ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp, có nơi nghiêm trọng. Chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn, đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chậm được cải thiện. Ô nhiễm nước tại các lưu vực sông như Cầu, Nhuệ - Đáy, Bắc Hưng Hải kéo dài. Ô nhiễm tại làng nghề, cụm công nghiệp chưa được kiểm soát hiệu quả. Hạ tầng xử lý chất thải còn thiếu và chưa đồng bộ. Suy thoái hệ sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học tiếp tục diễn ra. Một số hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị thu hẹp, suy yếu chức năng. Biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan, khó lường; thiên tai gia tăng cả về cường độ và tần suất; gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội. Việt Nam tiếp tục là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu. Phương thức quản lý môi trường chậm đổi mới; còn nặng về tiền kiểm, chưa hiệu quả trong hậu kiểm. Chưa kiểm soát được tổng tải lượng phát thải theo vùng, lưu vực. Quản lý còn phân tán theo địa giới hành chính, thiếu liên kết vùng. Hệ thống dữ liệu môi trường phân tán, thiếu đồng bộ, chưa trở thành nền tảng cho

quản trị hiện đại. Chuyển đổi xanh còn chậm; tiêu dùng xanh, lối sống xanh chưa trở thành phổ biến; động lực thị trường cho chuyển đổi xanh còn hạn chế. Đầu tư trở lại cho môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chính. Nguyên nhân chủ yếu gồm: 1) Nhận thức chưa đầy đủ, chưa thống nhất; 2) Thể chế, chính sách chưa đồng bộ; 3) Tổ chức thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu quản lý; 4) Nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu mặc dù có tăng song vẫn còn hạn chế; 5) Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa tạo đột phá. Những hạn chế, yếu kém nêu trên nếu không được khắc phục bằng các giải pháp đột phá sẽ trở thành điểm nghẽn lớn đối với phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Để đưa đất nước tiến vững chắc vào kỷ nguyên mới, tăng trưởng kinh tế hai con số và nâng cao chất lượng môi trường sống, an toàn cho Nhân dân, công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được quan tâm, đầu tư mạnh mẽ, triển khai thực hiện quyết liệt hơn nữa.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là trụ cột của phát triển đất nước trong giai đoạn mới; là điều kiện nền tảng và động lực của tăng trưởng nhanh, bền vững. Đầu tư cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là đầu tư cho phát triển bền vững.

2. Kiên quyết không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; phát triển trong giới hạn sinh thái, trong ngưỡng sức chịu tải của môi trường; kiểm soát tổng tải lượng phát thải; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu. Thực hiện phân loại dự án đầu tư, cơ sở sản xuất theo mức độ rủi ro gây tác động xấu đến môi trường để áp dụng cơ chế quản lý tương ứng.

3. Ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ chiến lược, cấp bách và lâu dài; là nội dung trọng yếu bảo đảm an ninh phi truyền thống và phát triển bền vững đất nước. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái, lấy con người làm trung tâm, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, sinh kế và bản sắc văn hóa. Thực hiện chuyển đổi xanh toàn diện; phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; thúc đẩy tiêu dùng xanh, lối sống xanh; coi giảm phát thải khí nhà kính là động lực của tăng trưởng.

4. Đổi mới căn bản phương thức quản lý môi trường, khí hậu thông qua chuyển đổi số, khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo. Chuyển từ tiền kiểm sang

quản lý rủi ro có kiểm soát, lấy mức độ rủi ro môi trường làm cơ sở áp dụng công cụ quản lý. Chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu số, theo thời gian thực và theo kết quả; kiểm soát tổng thể theo vùng, theo sức chịu tải và tổng tải lượng phát thải.

5. Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, của mỗi người dân và toàn xã hội. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo; doanh nghiệp là động lực; người dân là trung tâm; cộng đồng là chủ thể tham gia thực hiện.

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu đến năm 2035

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng hệ thống quản trị môi trường, khí hậu hiện đại, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; kiểm soát ô nhiễm trong giới hạn sức chịu tải; cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường; bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo lộ trình phù hợp để đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050; thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; bảo đảm an ninh môi trường và phát triển bền vững.

b) Một số chỉ tiêu cụ thể

- Ô nhiễm môi trường không khí ở các đô thị lớn, ô nhiễm môi trường nước ở các lưu vực sông lớn cơ bản được giải quyết.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 97-100%, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 90-95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom giảm còn dưới 10%.

- 100% làng nghề, cụm công nghiệp có xử lý nước thải để đáp ứng quy chuẩn về môi trường; 100% nước thải sinh hoạt ở các đô thị loại 1 và đô thị đặc biệt được xử lý.

- Duy trì độ che phủ rừng ở mức 42,03%; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, đạt trình độ các nước tiên tiến của khu vực châu Á; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai; giảm thiệt hại về người do lũ quét, sạt lở đất.

- Bảo đảm 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời 100% các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao đến nơi an toàn; xử lý cơ bản tình trạng ngập úng tại các đô thị lớn.

- Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia giảm 50% so với kịch bản phát triển thông thường khi có sự hỗ trợ của quốc tế; vận hành thị trường các-bon trong nước kết nối với thị trường khu vực và thế giới.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Việt Nam trở thành quốc gia có môi trường sống trong lành, hài hòa với thiên nhiên; duy trì cân bằng sinh thái và nâng cao chất lượng các hệ sinh thái tự nhiên; có hệ thống quản trị môi trường, khí hậu hiện đại, tiên tiến tiệm cận với các nước công nghiệp phát triển. Chủ động thích ứng hiệu quả, bảo đảm an toàn trước thiên tai và rủi ro khí hậu. Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp trở thành mô hình chủ đạo, đạt phát thải ròng bằng 0, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, khẳng định vị thế của Việt Nam là quốc gia phát triển có trách nhiệm với môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các đoàn thể, bảo đảm tính bao trùm trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp chính quyền phải quán triệt sâu sắc quan điểm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ trung tâm và chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện Nghị quyết; tổ chức xây dựng và thực thi hiệu quả chính sách, pháp luật; khắc phục triệt để quan điểm coi trọng tăng trưởng kinh tế trước mắt mà xem nhẹ các lợi ích lâu dài về môi trường.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện chính sách; giám sát việc thực thi pháp luật; phát hiện, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện và nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hiệu quả. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm sự tham gia rộng rãi, thực chất của người dân, doanh nghiệp và xã hội trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Bảo đảm tính bao trùm, công bằng xã hội trong quá trình chuyển đổi xanh; thực hiện nhất quán nguyên tắc “chuyển đổi công bằng”, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với xu thế chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, phục hồi hệ sinh thái, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, phát thải ròng bằng 0.

Triển khai hiệu quả các phong trào bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, lan tỏa các thực hành sống xanh, tiêu dùng bền vững trong cộng đồng; thay đổi hành vi, chuyển từ nhận thức sang hành động cụ thể, thiết thực. Xây dựng, phổ biến văn hóa môi trường với các giá trị, chuẩn mực xanh trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

2. Hoàn thiện thể chế, siết chặt kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi chính sách, pháp luật

Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng luật quy định khung, ổn định, lâu dài; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật theo hướng tiệm cận với quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, tạo động lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; thúc đẩy hợp tác công - tư và huy động nguồn lực xã hội cho ứng phó với biến đổi khí hậu.

Lấy công cụ kinh tế làm đòn bẩy chủ đạo trong điều tiết hành vi môi trường. Hoàn thiện các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh áp dụng các công cụ kinh tế (thuế, phí môi trường) để điều tiết hành vi và khuyến khích sản xuất, tiêu dùng bền vững; rà soát, điều chỉnh các cơ chế giá, phí, thuế, tín dụng, ưu đãi đầu tư, mua sắm công, bảo hiểm, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, tài chính xanh theo hướng tạo động lực mạnh cho chuyển đổi xanh, giảm phát thải, bảo vệ môi trường; khắc phục tình trạng chi phí môi trường chưa được tính đúng, tính đủ.

Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra theo hướng tăng cường hậu kiểm; thực hiện hậu kiểm dựa trên dữ liệu và mức độ tuân thủ; áp dụng chế tài xử phạt nghiêm minh, đủ sức răn đe, bảo đảm xử lý kịp thời, triệt để các vi phạm; hoàn thiện cơ chế giám sát độc lập, công khai thông tin, tham gia của người dân, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội, báo chí, truyền thông trong phát hiện, giám sát, phản biện, thúc đẩy tuân thủ pháp luật về môi trường, khí hậu.

Tăng cường thực thi pháp luật thông qua phân công, phân cấp, phân quyền rõ nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành, địa phương và tăng cường sự phối hợp liên

ngành trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tạo không gian thể chế linh hoạt, thuận lợi thông qua cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình, công nghệ, giải pháp mới phục vụ chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về môi trường, khí hậu

Đổi mới căn bản tư duy và công cụ quản lý theo hướng hiện đại, tích hợp, đồng bộ, hiệu quả thực chất. Chuyển mạnh từ mô hình quản lý nặng về tiền kiểm sang mô hình quản trị môi trường kết hợp chặt chẽ giữa tiền kiểm và hậu kiểm, trong đó tăng cường hậu kiểm dựa trên dữ liệu quan trắc, dữ liệu phát thải, dữ liệu tuân thủ, dữ liệu chất lượng môi trường, coi dữ liệu môi trường là nền tảng của quản trị môi trường hiện đại. Áp dụng quản lý theo mức độ rủi ro môi trường, làm cơ sở phân bổ nguồn lực quản lý, thanh tra, kiểm tra. Quản lý theo tổng tải lượng phát thải, theo sức chịu tải của môi trường, theo phân vùng môi trường, theo lưu vực sông, theo không gian phát triển, thay cho quản lý chủ yếu theo từng dự án, từng cơ sở đơn lẻ. Chuyển từ kiểm soát từng nguồn sang kiểm soát tổng thể theo vùng, theo tải lượng phát thải. Quy định rõ và thực thi nghiêm trách nhiệm bảo vệ môi trường của chủ dự án trong suốt vòng đời dự án. Tổ chức thực hiện không chỉ dừng ở kiểm tra, xử lý vi phạm mà phải chuyển mạnh sang hướng dẫn, đối thoại và đồng hành cùng doanh nghiệp, giúp nhận diện rủi ro và hạn chế sai sót ngay từ đầu, thay vì xử lý khi vi phạm đã xảy ra.

Hoàn thiện hệ thống phân cấp, phân quyền rõ ràng, hợp lý, đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện; làm rõ vai trò, trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; xác định trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu trong xử lý ô nhiễm, kiểm soát nguồn thải, bảo đảm chất lượng môi trường trên địa bàn.

Thiết lập hệ thống chỉ tiêu, chỉ số (KPI) về môi trường, khí hậu gắn với đánh giá hiệu quả quản trị quốc gia, ngành, địa phương; công khai kết quả thực hiện, bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình. Lấy kết quả cải thiện chất lượng môi trường làm thước đo cao nhất, là căn cứ đánh giá hiệu quả quản lý môi trường.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh; tăng cường quản lý giảm phát thải khí nhà kính; phát triển thị trường các-bon

Tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất xanh, trung hòa các-bon.

Thúc đẩy, phát triển mạnh mẽ kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực; hình thành và phát triển ngành công nghiệp tái chế. Thực hiện chuyển dịch năng lượng theo hướng công bằng và bền vững; phát triển mạnh năng lượng tái tạo và các công nghệ phát thải thấp, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững, có cơ chế tạo động lực cho các thực hành thân thiện với môi trường trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng thực phẩm.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, các mô hình công nghiệp xanh, xây dựng xanh, giao thông xanh, nông nghiệp phát thải thấp, đô thị các-bon thấp; phát triển sản xuất, tiêu dùng bền vững và lối sống xanh trong xã hội.

Triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực phù hợp với tình hình phát triển đất nước và sự hỗ trợ của quốc tế. Kiên định mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án; hoàn thiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định theo tiêu chuẩn quốc tế. Quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon, chủ động hội nhập và tham gia sâu vào mạng lưới các-bon toàn cầu. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn tín chỉ các-bon nội địa có khả năng liên thông và tương thích với các thị trường quốc tế lớn. Giảm phát thải không chỉ trong sản xuất mà trong toàn bộ vòng đời sản phẩm và hoạt động tiêu dùng của xã hội.

5. Kiểm soát chặt chẽ, thực chất các nguồn gây ô nhiễm; ngăn chặn phát sinh mới các điểm nóng môi trường

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, kiểm tra, thanh tra, giám sát tuân thủ pháp luật về môi trường; hoàn thiện tiêu chí sàng lọc, phân loại dự án theo mức độ rủi ro môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm, tiêu tốn tài nguyên, hiệu quả thấp.

Tăng cường năng lực quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường; giám sát liên tục, trực tuyến đối với các nguồn thải lớn; kiên quyết ngăn chặn, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi gian lận, can thiệp, làm sai lệch dữ liệu quan trắc, dữ liệu phát thải.

Quản lý chặt chẽ nguồn thải tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, cơ sở sản xuất nông nghiệp, y tế, giao thông, xây dựng và các hoạt động dịch vụ. Từng bước áp dụng công cụ phân bổ hạn ngạch phát thải, hạn ngạch xả

thải phù hợp với sức chịu tải của môi trường tại những khu vực có rủi ro cao, mật độ phát triển lớn, áp lực môi trường lớn. Không cho phép phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm mới tại khu vực đã vượt ngưỡng sức chịu tải của môi trường.

Thúc đẩy mạnh mẽ tuần hoàn, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng giảm thiểu rác thải nhựa, quản lý chất thải phù hợp theo hướng kinh tế tuần hoàn. Nghiên cứu, phát triển công nghệ tái chế, xử lý các loại chất thải từ quá trình chuyển đổi xanh.

6. Giải quyết có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề môi trường bức xúc, kéo dài; cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường sống

Tập trung giải quyết dứt điểm các điểm nóng môi trường nghiêm trọng, kéo dài, nhất là ô nhiễm không khí tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn; ô nhiễm nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ, ao, đoạn sông bị ô nhiễm nặng; ô nhiễm tại làng nghề, cụm công nghiệp, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản; ô nhiễm đất, các khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khác.

Ưu tiên phát triển đồng bộ hạ tầng bảo vệ môi trường, nhất là hạ tầng thu gom, xử lý nước thải đô thị, chất thải rắn sinh hoạt; đẩy mạnh phân loại chất thải tại nguồn, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng từ chất thải; giảm mạnh tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; hình thành các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải quy mô lớn, có tính liên vùng, liên tỉnh.

Nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân thông qua cung cấp nước sạch, dịch vụ vệ sinh môi trường, không gian xanh, cây xanh, hạ tầng sinh thái, hạ tầng chống chịu khí hậu nhất là đối với các nhóm yếu thế như người khuyết tật, người nghèo, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái, nâng cao khả năng hấp thụ khí nhà kính

Tăng cường quản lý hiệu quả, tiếp tục tăng số lượng, nâng diện tích các di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học. Bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, có giá trị cao về đa dạng sinh học và chức năng sinh thái; mở rộng, củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ, phục hồi rừng tự nhiên, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, các vùng sinh thái nhạy cảm; bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm; kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; tăng cường quản lý an toàn sinh học; đẩy mạnh bảo tồn, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen.

Kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học với phát triển sinh kế bền vững, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế dưới tán rừng, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, tín chỉ các-bon rừng và các cơ chế tài chính phù hợp để tạo nguồn lực cho bảo tồn, phát triển bền vững. Lượng giá giá trị dịch vụ hệ sinh thái; từng bước xây dựng và triển khai hạch toán vốn tự nhiên trong hệ thống thống kê quốc gia. Thực hiện điều tra, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

8. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; giảm thiểu rủi ro thiên tai; nâng cao mức độ an toàn của người dân và nền kinh tế

Đẩy mạnh quản trị rủi ro dựa trên dự báo và dữ liệu lớn, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cấp năng lực đánh giá, giám sát khí hậu, dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai ngang tầm các nước phát triển khu vực châu Á. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số quản lý thông tin dữ liệu và giám sát biến đổi khí hậu.

Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng có khả năng chống chịu cao với thiên tai và biến đổi khí hậu; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các giải pháp thích ứng đặc thù theo vùng, dựa vào hệ sinh thái; chủ động di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao; bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân. Tập trung giảm thiểu thiệt hại do thiên tai tại trung du, miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung.

Chuyển đổi mô hình phát triển, cơ cấu sản xuất, mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi, phương thức sử dụng đất, nước, hạ tầng và sinh kế theo hướng thích ứng, linh hoạt, bền vững; tăng cường năng lực cộng đồng, bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, an toàn tính mạng cho người dân trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp; phát triển đồng bằng sông Cửu Long thành mô hình điểu về nông nghiệp thông minh giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng hệ thống quốc gia về đánh giá tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu. Nghiên cứu cơ chế tài chính hỗ trợ tổn thất và thiệt hại, bảo đảm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho người dân và địa phương bị ảnh hưởng. Đẩy mạnh xã hội hóa, thương mại hóa dịch vụ khí hậu, thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

9. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường, khí hậu thống nhất, hiện đại

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ chiến lược trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào giám sát, đánh giá,

phân tích và cảnh báo môi trường; tái chế, xử lý chất thải; cải tạo, phục hồi môi trường và bảo tồn hệ sinh thái; phát triển năng lượng sạch, giảm phát thải khí nhà kính; quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm, giám sát phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai. Thúc đẩy phát triển công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng các-bon. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ các-bon thấp và trung hòa các-bon trong các ngành, lĩnh vực phát thải lớn.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường, khí hậu quốc gia thống nhất, đồng bộ, liên thông, tích hợp, cập nhật theo thời gian thực; chuẩn hóa dữ liệu, chuẩn hóa quy trình thu thập, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, sử dụng dữ liệu; bảo đảm dữ liệu thực sự trở thành hạ tầng phục vụ chỉ đạo, điều hành, giám sát, dự báo, hoạch định chính sách và công khai thông tin cho người dân, doanh nghiệp. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, viễn thám, mô hình số, bản sao số, dữ liệu lớn trong quản trị môi trường, khí hậu.

10. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Bảo đảm chi sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Tập trung cao hơn các nguồn lực cho đầu tư chuyển đổi số, mạng lưới quan trắc, giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường, hạ tầng quản lý chất thải cho tái chế, xử lý chất thải, khắc phục ô nhiễm môi trường, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường đầu tư công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan, giám sát biến đổi khí hậu ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực châu Á.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia chuyển đổi xanh. Huy động mạnh mẽ các nguồn lực tài chính trong nước, phát triển hệ thống tài chính xanh; thúc đẩy tín dụng xanh, phát triển thị trường trái phiếu xanh, đa dạng hóa các sản phẩm tài chính bền vững; nâng cao năng lực các tổ chức tín dụng trong đánh giá, quản lý rủi ro môi trường - xã hội.

Tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là cấp xã; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, năng lực gắn với đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm cao.

11. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế

Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế, tích cực tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế, đồng thời bảo đảm độc lập, tự chủ, lợi ích quốc gia - dân tộc, công bằng, bao trùm, phù hợp điều kiện phát triển của đất nước. Tăng cường

ngoại giao khí hậu gắn với vị thế quốc gia, tích cực tham gia quản trị toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu góp phần huy động nguồn lực, công nghệ thực hiện mục tiêu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia, tổ chức, các diễn đàn khu vực và toàn cầu; thu hút các nguồn vốn đầu tư, tài chính khí hậu và hỗ trợ kỹ thuật cho bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường hợp tác nghiên cứu, chuyên gia công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; phát huy vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong thúc đẩy hợp tác quốc tế về môi trường và khí hậu.

Thúc đẩy hợp tác khu vực và liên khu vực, nhất là trong khuôn khổ hợp tác Á - Âu, châu Á - Thái Bình Dương, Đông Á, ASEAN và tiểu vùng sông Mê Kông; tăng cường phối hợp trong quản lý môi trường xuyên biên giới, bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai. Chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào các cơ chế, sáng kiến hợp tác khu vực. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan, hình thành khuôn khổ pháp lý đủ mạnh, thống nhất, hiệu quả để bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

3. Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, xây dựng các văn bản dưới luật, lồng ghép các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức thực hiện; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết.

6. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Đảng ủy các bộ, ngành ở Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**

Tô Lâm